

Chữ nghĩa làng văn

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được góp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tìn thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngô Không Phi Ngọc Hùng.

A Di Đà Phật

Trong thơ Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu có câu: “*Thỉnh ông Phật tổ A-Di Đà*”. “A” có nghĩa là vô. “Di Đà” có nghĩa là lượng.

A Di Đà Phật là tiếng Phạn, là lời niệm mong khi viên tịch được trở về cõi cực lạc (nguyên nghĩa “*vô lượng thọ Phật*”). Cũng là lời chào của những Phật tử trong giao tế.

Cây viết ma

Trong ngành viết hồi ký, một bí mật hầu như ai cũng biết, đó là nhiều tác giả những sách viết này không phải là người thực sự viết. Sách của họ do *người khác viết dùm*.

Nên người Mỹ gọi *người viết dùm* này là “Cây viết ma”.

(Vũ Thụy Hoàng – Múa bút)

Chữ nghĩa làng văn

Cụ Nguyễn Du tả cảnh Thúc Sinh như thế này:

Thú quê *thuần* vược bén mùi
Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô

“*Thuần*” đây là...rau rút.

(Trà Lũ – Nơi có quê hương)

Truyện ngắn III

Ở nước ta truyện ngắn lối mới kiểu Tây phương bắt đầu từ thế kỷ 20 với Phạm Duy Tốn và Nguyễn Bá Học.

Truyện ngắn của Phạm Duy Tốn là *Câu chuyện gia đình* (Nam Phong – 4/1918), *Sống chết mặc bay* (Nam Phong – 12/1919), *Con người sở Khanh* (Nam Phong – 3/1910). *Câu chuyện ông Lý Chấm* (Nam Phong) của Nguyễn Bá Học.

Vũ Ngọc Phan nhận xét: “Phạm Duy Tốn với những truyện ngắn của ông là đã đánh dấu một quãng đường văn học nước nhà”.

(Trần Bích San – Văn Khảo)

Giai thoại làng văn

Nguyễn Huy Thiệp có tài bịa chuyện như thật. Không phải chỉ trong văn đầu, trong đời sống cũng vậy. Ngày khánh thành pho tượng Phật của anh, anh mời tôi đến đánh chén. Anh hỏi tôi khi đứng ngắm pho tượng: “Anh thấy mặt tượng giống nam hay giống nữ?”. Tôi nói, giống nữ. Thiệp bảo: “Thế là nam tính của anh mạnh. Nếu thấy giống nam là nữ tính mạnh”. Có người lại thấy giống Phạm Thị Hoài.

Hình như càng ngày, Thiệp càng cố tình tạo ra trong tác phẩm của mình những cảnh đời quái đản, tăm tối, với những con người, từ thể xác tới tâm hồn, như chui từ bùn rác, cống rãnh lên – Một thái độ hư vô chủ nghĩa, nhạo báng tuốt, nói ngược lại tuốt, cố tình gán cái cao cả với cái thấp hèn, cái to tát với cái bé mọn, cái trinh trắng với cái bẩn thỉu tục tũu...

Hình như Thiệp có hứng thú (và có sở trường) ném ra những lời như sấm ngôn, như thánh phán, với những mệnh đề triết lý tù mù, bí hiểm, có thể suy ra nhiều nghĩa. Tôi ngờ rằng, chưa chắc Thiệp đã có tư tưởng gì thật sự nên mới làm ra thế để loè thiên hạ, đồng thời che giấu bản chất còn mù mờ của tư tưởng mình. Người đọc có thể thấy đây đó những điều có vẻ loé sáng, nhưng không bao giờ thấy có ngọn lửa chân lý hắt hoi. Tôi đưa ra một loạt dẫn chứng và khẳng định hầu như không có ngoại lệ: *Tướng về hưu, Những bài học nông thôn, Những người thợ xẻ, Không có vua, Trái tim hổ, Muối của rừng...*

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

Những người muôn năm cũ

Lần này điện thoại (T.Van) sang thăm, Thy Nga yêu cầu bà đọc cho nghe thơ của ông. Bài gì thì chỉ nói tựa đề, là bà biết ngay ở trang mấy trong cuốn nào, như về bài thơ “Sợi tóc” khắc trên mộ Nguyễn Sa, bà Nga thuật lại:

“Mộ của Nguyễn Sa gần một hồ nước nhỏ, như là trong góc một khu rừng nhỏ. Khi anh ấy làm bài thơ này, không ngờ nó lại giống nơi anh ấy được nằm ở đó...”:

Nằm chơi ở góc rừng này
Chưa thiên thu cũng đã đầy cỏ hoang
Xin em một sợi tóc vàng
Làm hoa khởi sự cho ngàn kiếp sau
Biết đâu thảo mộc bớt đau
Biết đâu có bản kinh cầu dâng lên?

(Thy Nga – T.Van)

Giống cái, giống đực

Vì giống cái có tiềm năng sinh sôi nảy nở nên chữ Hán hai vạch ngắn ký hiệu cho âm, một vạch dài ký hiệu cho dương. Đồng thời số chẵn thuộc âm, số lẻ thuộc dương.

Theo Lê Quý Đôn muốn phân biệt tre đực, tre cái xem cành thứ nhất trên gốc: Nếu có 2 cành là tre cái. Còn nếu 1 cành là tre đực.

(Trần Ngọc Thêm – Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam)

Lễ và hội

Khái niệm *lễ* mà chúng ta đang bàn đến ở đây không phải là chữ *lễ* của đạo Khổng.

Lễ trong lễ hội là một các hành vi, động tác nhằm biểu hiện lòng tôn kính của dân làng đối với các thần linh nói chung, với thần thành hoàng nói riêng.

Hội là một sinh hoạt dân dã phóng khoáng diễn ra trên bãi sân để dân làng cùng vui chơi. Những trò chơi, trò diễn phong phú và đa dạng theo đặc trưng của nó:

- Trò chơi thượng võ gồm: đấu vật, đua thuyền, đánh đu, tung cầu, hát phết, kéo co.
- Trò chơi thi tài gồm: thổi cơm, đồ xôi, dệt vải, bện thừng.
- Trò chơi luyện ái, bao gồm: bắt chạch, múa mo, chen nhau, hát nõ nương.
- Trò chơi giải trí gồm: cờ người, tổ tôm, đáo đĩa, thi thơ, ca hát.
- Trò chơi phong tục: ôm cột, chạy hồi loan, chém chữ.

Hội là để vui chơi thoải mái. Nó không bị ràng buộc bởi lễ nghi, tôn giáo và tuổi tác, tuy ồn ào, náo nhiệt nhưng hội không hề hỗn độn, sa đà... Phải chăng vì trong hội có lễ.

Cũng cần phải nói thêm về quan hệ giữa lễ và hội trong nhiều trường hợp không đơn giản. Hai yếu tố lễ và hội đã thâm nhập vào nhau khá chặt chẽ, thiết tưởng rằng gọi là lễ cũng đúng mà gọi là hội thì cũng không sai. Như vậy có lúc ngay trong lễ đã có hội và ngay trong hội đã có lễ.

(Lê Văn Kỳ - Cơ cấu và việc tổ chức lễ hội)

An phận thủ thường

Thành ngữ “*An phận thủ thường*” nguyên gốc là “An phận thủ kỷ”.

Cái chết trong văn chương

Thời văn học miền Nam 54-75, Bình Nguyên Lộc đưa người đọc đến vùng đất mới nơi có những cái chết và những hồn ma: *Ba con cáo, Hồn ma cũ...*

Dương Nghiễm Mậu cũng viết về *Kẻ sống đã chết, Một cái chết không tên, Cái chết của một lão ăn mày...*

Nguyễn Vũ với *Trở về từ cõi chết, Chết không nhắm mắt, Khung cửa chết của người tình si, Tiếng cười môi hôn và nghĩa trang...*

Sau 75, ở ngoài nước có Viên Linh dựa lên hình ảnh qua thơ với *Thủy mộ quan*. Và gần đây với Mai Thảo qua *Ta thấy hình ta những miếu đền*.

(Nguyễn Vy Khanh – tạp chí Tân Văn)

Tục ngữ Ta và Tàu

Môn đàng hộ đối

Ba môn đối ba môn, bản môn đối bằng môn
(Cửa phen đối cửa phen, cửa gỗ đối cửa gỗ)

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

“q”

Nhiều học giả cho rằng phần lớn các âm tiếng Việt biểu thị một cái gì đó. Như phụ âm “q”, hàm ý nghe rất...*cứng cõi*. Như:

Quát, quạt, quất, quăng, quẳng...v..v..

(Nguyễn Triệu Việt – tạp chí Tân Văn)

Hủ tú, hủ tiểu

Theo Vương Hồng Sển là từ chữ “*quế tiểu*” trong chữ Hán mà ra.

Người Triều Châu xướng âm là “*củi tiếu*” là bánh bột cọng nhỏ với tôm, cá, gan, bao tử.
Hủ là *nát ra* như đậu hủ, tàu hủ.

Tiếng Việt, dễ mà khó

Chữ "nói mớ" là biến âm của chữ "nói mơ", nói trong giấc mơ.

"Nước miếng" thật ra là biến âm của "nước miệng", nước chảy ra từ miệng, cùng cách kết cấu với các chữ nước mắt hay nước mũi.

(Nguyễn Hưng Quốc - e-cadao.com)

Xóm vạ đồ

Những thuyền chài sinh sống trên sông nước với nhiều đồ hộp thành một đơn vị hành chánh gọi là “vạ” tương đương với làng xã. Và được gọi chung là “Xóm vạ đồ”.

Thơ Con cóc

Con cóc trong hang
Con cóc nhảy ra
Con cóc nháy ra
Con cóc ngồi đó
Con cóc ngồi đó
Con cóc nhảy đi

Bài thơ ra đời đã lâu, lâu lắm, được Trương Vĩnh Ký sưu tập, in trong quyển *Chuyện đời xưa* xuất bản lần đầu tiên năm 1866.

(Nguyễn Hưng Quốc – Một bài thơ hay)

Phẩm hàm

Xưa chức hàm do vua ban cho dân gồm có “Cửu hàm”, “Bát hàm”. Chức hàm ban cho quan từ “Thất hàm” trở lên.

Bá hộ tức “Bách hộ”, chức quan võ dưới triều nhà Minh được điều khiển 100 binh lính. Xưa, nhà giàu ở nước ta có công trận được triều đình ban cho phẩm hàm “bá hộ”. Sau ở làng xã ta gọi nhà giàu có lớn là...bá hộ.

Tiếng Việt trong sáng

Trao đổi: Từ này có nghĩa là đưa qua đưa lại các vật với nhau. Ngày nay người ta lại dùng từ này một cách sai lầm để thay thế cho từ bàn bạc hay thảo luận.

Thí dụ: “Để thực hiện chỉ thị, tôi đã trao đổi với đồng chí chủ tịch”

(Triều Thanh tạp chí)

Ăn mày chữ nghĩa

Khổng Tử đi chơi ra phía đông, thấy hai đứa bé cãi nhau, hỏi tại làm sao, thì một đứa nói rằng: "Tôi thì tôi cho mặt trời, lúc mới mọc, ở gần ta hơn. Về buổi trưa, ở xa ta hơn." Còn một đứa nói: "Tôi thì tôi cho mặt trời lúc mới mọc ở xa ta hơn. Về buổi trưa, ở gần ta hơn."

Đứa trước cãi: "Mặt trời lúc mới mọc to như cái bánh xe. Đến giữa trưa, nhỏ như cái bát ăn, thế chẳng phải tại xa ta mới nhỏ, gần ta mới to là gì?"

Đưa sau cái: "Lúc mặt trời mới mọc, thì mát mẽ. Đến giữa trưa thì nóng nực, thế chẳng phải gần ta mới nóng, xa ta mới mát là gì?"

Khổng Tử nghe nói, không giải quyết được ra làm sao.

Tiếng Việt mình... khó quá!?

Xin sang chuyện viết. Cháu nội tôi học lớp 5 của một trường tiểu học, khi ngồi cùng với ông nội để "làm quen với máy tính", thấy ông đánh trên máy "Công ty ứng dụng kỹ thuật...", cháu vội sửa "Ông mắc lỗi chính tả rồi! Phải đánh là Công ti ứng dụng kĩ thuật", tức là *không dùng chữ "y", vì "cô giáo bảo thế"*.

Trước mặt cháu phải tôn trọng cô giáo, ông nội... không dám cãi, nhưng thử hỏi cả nước này, có ai viết "Ti i tế" (thay cho Ty Y tế) hay không? Nếu là ngành giáo dục... "dạy" (dạ) như vậy, cả nước sẽ...mắc lỗi chính tả mất thôi! Và biết bao nhiêu người...sẽ phải sửa lại biển hiệu để thay chữ y bằng chữ i cho đúng chính tả?

(Nguyễn Lê Bách - Nguồn ĐấtViet.com)

Truyện ngắn IV

Nhiều nhà văn miền Nam cho là *truyện ngắn* có trước *truyện dài*.

Dương Nghiễm Mậu: "Phải trải qua *truyện ngắn* trước *truyện dài*".

Nguyễn Thụy Long: "*Truyện ngắn* là bước khởi đầu của nhà văn".

Mai Thảo: "*Truyện ngắn* là những bước chân đi vào văn chương".

Tuy nhiên cái tinh thần coi trọng *truyện dài* từ thế kỷ 18 của Tây phương khi *truyện ngắn* chưa định hình được lập đi lập lại bởi chính những người cầm bút: "Nhà văn chưa phải là nhà văn nếu chưa viết được *truyện dài*".

Đã đến lúc phải xét lại với quan niệm sai lầm và lỗi thời.

(Phụ chú: Thanh Tâm Tuyền định nghĩa: "Truyện ngắn không phải là truyện dài")

(Trần Bích San – Văn Khảo)

Giai đoạn phiên âm

Đây là những chữ trích trong sách của giáo sĩ Christoforo Borris xuất bản năm 1631 tại La Mã, viết bằng chữ Ý. Chúng ta có thể coi những chữ phiên âm trong sách này đã được ông dùng trong thời gian từ 1618 đến 1621, là thời gian ông sống ở Đàng Trong.

Phiên âm : Nghĩa

Anam : An Nam

Cacciam : Cả chàm (Kẻ Chàm)

Quamguya : Quảng Nghĩa

Quignin : Qui Nhơn

Bũa : Vua

Chiuna : Chúa

Chià : Trà.....

Nuoecman : Nước mặ

Tuijciam,biet: Tui chẳng biết

Scin mocaij : Xin một cái

Hồng mao

Không ai lạ gì hai câu này trong *Chinh phụ ngâm* “Chí làm trai dặm nghìn da ngựa – Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao”.
Nhưng nhiều người nhầm “hồng mao” là sợi lông màu hồng.

Thực ra “hồng mao” là lông con chim hồng. Một giống nhạn bên Tàu (hồng nhạn).

(Duy Lý – báo Tự Do)

Truyện chớp - Chiến tranh

Khi bị bại trận, hấn kê khẩu súng sát vào màng tang.
Và bóp cò.
Gần ba mươi năm sau, hấn vẫn chưa nghe tiếng súng nổ.

Tùy bút hay

Tùy bút - tùy hứng là phóng bút - là một thể rất tự do, gặp gì chép nấy, nghĩ sao nói vậy: *Một cơn mưa, một giọng hát, một hớp trà, một trang sách, một tà áo phất phơ dưới gió, một tiếng ve rí rả trong rừng...* bất kỳ một cảnh vật nào, một sự việc nào, hễ gợi hứng cho ta cũng có thể là đề tài một thiên tùy bút. Nó tựa như nhật ký mà không phải là nhật ký, vì nó là "bút" chứ không phải là "ký"; nó tựa như nghị luận mà không phải là nghị luận, vì nó là tùy hứng suy đoán chứ không phải dụng ý biện luận.

Nó phóng túng như vậy nên ta tưởng là dễ, nhưng có viết thử mới thấy khó. Trước hết nó phải thanh thoát, nhẹ nhàng như ngồi bên giàn hoa hay một ấm trà. Nó không dài, trung bình mười trang trở lại, nhưng lời phải tự nhiên, có duyên, nội dung phải có ý vị.

Quan trọng nhất vẫn là nghệ thuật. Tiểu thuyết mà dở thì người ta vẫn gọi là tiểu thuyết; thơ mà dở thì cũng vẫn là thơ - thơ con cóc. Còn tùy bút mà thiếu nghệ thuật thì không có tên để gọi vì lẽ không ai thèm biết tới. Cho nên lựa thể tùy bút là làm một công việc chỉ có thành công hay thất bại, không thể nhùng nhằng được.

(Nguyễn Hiến Lê – Gocgio.net)

Tiếng Tàu tiếng Việt

Từ chuyện An Tiêm bị đày ra đảo Hải Nam, nhặt được hạt trồng thành cây có quả và đặt tên là “tây qua”. Người Tàu ăn thấy ngon khen là “hầu ló”.

Từ “hầu” biến âm ra “hấu” nên có tên là quả dưa...hấu.

Tiếng nói xưa và nay

Theo ý kiến của giáo sư Lê Thuộc và nhà văn Hoàng Ngọc Phách thì từ ghép “Chùa chiền” được hiểu như sau:

Chùa - có nguồn kinh tế là *tự điền* (ruộng sở hữu của nhà chùa) để lấy hoa lợi dùng vào việc đèn hương cúng tế.

Chiền - không có *tự điền* nhưng được thu thuế ở một ngôi chợ bên cạnh để dùng vào việc đèn hương cúng tế. Các chợ này thường có tên gọi là *chợ chùa*.

Báo chí và văn học

Ở miền Nam, trong giai đoạn 1954-75, những cây bút hàng đầu như Doãn Quốc Sỹ và Nguyễn Sa đều đi dạy học, Võ Phiến suốt đời làm công chức; trong khi đó, ở miền Bắc, trong cùng thời kỳ, tất cả đều làm cán bộ và ăn lương cán bộ. Hai là, nếu muốn dẫn thân hoàn toàn vào công việc viết lách, người ta chỉ còn một cách là làm báo. Có ba cách thức làm báo: tự mình làm chủ báo; làm nhân viên toà soạn hay biên tập viên thường trực; và làm cộng tác viên hưởng tiền nhuận bút theo từng bài được in. Lâu nay nói đến quan hệ giữa việc viết văn và làm báo, chủ yếu người ta chỉ đề cập đến hai cách thức đầu.

Ở hai cách thức ấy, tỉ lệ nhà văn Việt Nam làm báo khá đông. Theo Võ Phiến, trong tổng số 33 nhà văn viết tiểu thuyết, phóng sự và bút ký quen thuộc ở miền Nam trong giai đoạn từ 1954 đến 1975, có đến 19 người, tức chiếm 58% là chủ báo hoặc cộng tác thường xuyên với các toà báo. So với thế giới chắc chắn tỉ lệ này thuộc loại rất cao. Theo thống kê của R.D. Altick, tại Anh, trong giai đoạn từ 1800 đến 1835, trong số 282 nhà văn tương đối có tiếng, chỉ có 17 người là nhà báo chuyên nghiệp; trong giai đoạn từ 1900 đến 1935, trong số 363 nhà văn, chỉ có 37 người là nhà báo chuyên nghiệp.

Nếu chúng ta nhìn từ cách thức làm báo thứ ba nêu trên, tức dùng các tờ báo như một phương tiện công bố tác phẩm đồng thời tăng thêm nguồn thu nhập từ số tiền nhuận bút do các toà báo trả thì có thể nói gần như toàn bộ các cây bút viết văn làm thơ chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp của Việt Nam đều làm báo.

(Nguyễn Hưng Quốc - Văn học, một nền văn học nghiệp dư)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Sáng đèn cơm đi ăn phở
Trưa hăm hờ rước phở đi ăn cơm
Chiều cơm về nhà cơm, phở về nhà phở
Tối nằm với cơm, nghe thơm mùi phở

Chữ nghĩa biên khảo: Trà hay chè

Với tự điển thì *trà* là búp trà đã sao, đã chế biến để pha nước uống (pha trà tàu).
Chè là lá, búp bỏ vào nồi, đun sôi lên làm nước uống (chè tươi).

Theo Võ Phiến dân dã ở thôn quê miền Trung, người ta gọi nó là *Chè*, mà không gọi là *Trà*. Uống *Trà Tàu* là cái thú của hạng giàu sang; người bình dân thì uống *Chè Huế*. *Trà Tàu*, pha theo lối *Tàu*. *Chè Huế* nấu lối *Huế*. Lối *Huế* không giống lối nấu chè tươi hay chè khô ngoài Bắc. Từ *Huế*, lần vào các tỉnh nam Trung phần, lối nấu chắc chắn cũng có thay đổi ít nhiều ở Nam Ngãi, Bình Phú...

(Võ Phiến – Hạt bọ trà)

Tương tự

Nói đến tương tự, *Kinh thi* có câu:
Nhất nhật bất kiến như tam thu hề
(Một ngày không gặp như xa cách ba thu)

Nguyễn Bính nước ta cũng có bài *Tương tự* với hai câu đầu:
Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông
Một người chín nhớ mười mong một người

(Xuân Đầu – Vài nét chấm phá trong thơ)

Tứ thời bát tiết

Cuối năm, cụ Nguyễn Khuyến được anh hàng thịt hàng xóm góa vợ mang sang biếu bát tiết canh và đôi bồ dục để xin câu đối Tết.

*Tứ thời bát tiết canh chung thủy
Ngạn liễu gò bồ dục điểm trang*

Cụ phóng bút hai câu tả cảnh xuân với liễu bên gò cỏ bồ. Cụ ghép chữ thứ 4 và 5 ở câu trên và dưới ra “tiết canh” và “bồ dục” để đối với anh hàng thịt.

Tứ thời: năm theo âm lịch có bốn mùa. Mỗi mùa ba tháng. Năm chia làm 24 tiết. Một tháng có hai tiết (đầu tháng và giữa tháng).

Bát tiết: tám tiết trong một năm: xuân phân, thu phân, hạ chí, đông chí và lập xuân, lập hạ, lập thu lập đông.

Đêm chia ra năm canh: Canh một vào khoảng từ 7 giờ tối cho đến 9 giờ. Canh hai từ 9 giờ cho đến 11 giờ. Canh ba (giờ Tý canh ba) bắt đầu từ 11 giờ đến 1 giờ sáng.v.v..

Ngày chia làm sáu khắc, bắt đầu từ 5 giờ sáng đến 7 giờ tối.

Khó khăn với tiếng Việt

Cuồng sĩ Bùi Giáng tự “Bùi bàng giúi”, hay “Búi báng giúi”, hoặc “Vân mông”, hay “Đười ươi thi sĩ” đã nhập đồng *nhắc chữ* với *đọc chữ* qua bài “*Lá hoa cỏn*” như thế này đây :

*“...Sử lịch sai trang
Chạy quàng
Là lịch sử...”*

“m”

Nhiều học giả cho rằng phần lớn các âm tiếng Việt biểu thị một cái gì đó. Như phụ âm “m”, hàm ý nghe rất...*êm dịu, thoải mái*, như:

Mịn màng, mềm mại, mượt mà, man mát, mơn mớn..v.v..

(Nguyễn Triệu Việt – tạp chí Tân Văn)

Xạ luận vui về chữ "Tử"

Chết ở nông trại gọi là...*Trang Tử*.
Người to lớn mà chết gọi là...*Khổng Tử*.
Không ốm đau mà chết gọi là...*Mạnh Tử*.
Chết khi mọi việc đã hoàn tất gọi là...*Chu Tử*.
Chồng leo núi mà chết gọi là...*La Sơn Phu Tử*.

(Nguồn ĐatViet.com)

Truyện ngắn V

*Văn hay chẳng luận đọc dài
Vừa mở đầu bài đã biết văn hay*

Câu này là ca dao của các cụ ta xưa như một châm ngôn. Ngày còn trên ghế nhà trường, tôi (Lâm Chương) sợ nhất là môn tập làm văn. Trong đầu không có bao nhiêu chữ nghĩa, nhưng phải nặn óc viết cho ra chữ, càng dài càng tốt. Tưởng sẽ được khen, nào ngờ cô giáo phê một câu đọc địa: “nhiều lời ít ý”.

Sau này ngẫm lại thấy đúng. Nhất là đời sống thôi thúc phải chạy đua từng giờ từng phút, không ai có thì giờ ngồi đọc những bài dài lê thê, nhưng nội dung tư tưởng nghèo nàn. Mất thì giờ lắm. Người đọc chỉ muốn biết chuyện gì đã xảy ra. Nói thể không phải tôi hoàn toàn phủ nhận những bài dài đầy tính nghệ thuật, ý nghĩa sâu xa và lôi cuốn người đọc. Một tác giả viết được nhiều quyển sách, số lượng nhiều vẫn không có gì bảo đảm chất lượng cao.

Viết văn trong thời buổi @ giống như sắc thuốc Bắc, ba chén nấu còn tám phân. Chỉ giữ lại phần cốt tủy mà thôi. Ngắt bỏ những chi tiết râu ria rườm rà không cần thiết cho bài viết cô đọng gọn gàng càng đỡ tốn thì giờ người đọc.

(Lâm Chương – Tán gẫu trong quán cà phê)

Trái, phải

Theo người Tàu bên *trái thuộc âm*, bên *phải thuộc dương*, nên khi vua ngự triều, công chúa đứng bên trái, hoàng tử đứng bên phải.

Khi văn hóa Tàu du mục xuống phương Nam đã đổi chỗ:
Nam (dương tính) dành chỗ bên trái, để nữ (âm tính) bên phải.
Vì ta có câu "*Nam tả nữ hữu*".

(Trần Ngọc Thêm – Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam)

Giai thoại làng văn

Nhớ đó là một buổi trưa rảnh rỗi, tôi ghé vào thăm một diễn đàn bạn. Người bạn đang cảm cú làm việc. Tôi kéo ghế ngồi hút thuốc lá, thấy ở cạnh mình một cái sọt rác đựng đầy những bản thảo gửi đăng không đăng và liệng bỏ đi. Buồn tay tôi nhặt những tờ bản thảo bị xé bỏ ấy lên coi. Cuối cùng và ở tận đáy cái sọt rác ấy là một bản thảo truyện ngắn. Tôi đọc mấy dòng đầu, giật mình vì lồi vào truyện mạnh dạn, mới lạ, khác biệt hẳn với lối vào truyện vòng vo ngập ngừng thường thấy ở những người viết mới. Đọc tiếp mấy trang nữa; tôi hỏi người bạn: "Bỏ đi tất cả đây à?" Người bạn không ngừng đầu lên: "Ừ, đã đọc rồi bỏ không đăng" "Moi lấy đi được không?" "Để làm gì vậy?" người bạn ngạc nhiên hỏi. "Mặc moi" tôi nói, và cất cẩn thận cái truyện ngắn bị vất bỏ ở một diễn đàn bạn vào túi áo, trở về đăng ngay nó và nguyên văn không sửa một cái dấu phẩy trên tờ Sáng Tạo số đang làm. Người bạn tôi, chỉ biết thấy giá trị những tác giả đã thành danh, không thấy được những hạt ngọc lóng lánh lẫn ra từ những cội viết còn vô danh chưa tên tuổi đã liệng đi cái hạt ngọc văn xuôi ấy là truyện ngắn Rượu Chứa Đủ, truyện đầu tay của một người trẻ tuổi mới viết văn bấy giờ là Dương Nghiễm Mậu. Hạt ngọc bị vất bỏ ấy và tôi đã tình cờ lượm được, đúng là một hạt ngọc. Bao năm rồi không đọc lại tôi chẳng thể nhớ hết từng chi tiết của truyện chỉ nhớ cái chàng nào đó với bút hiệu Dương Nghiễm Mậu đã có ở Rượu Chứa Đủ một đoạn văn kết thúc tuyệt hay. Đoạn văn tả người anh đến đón em ở viện mồ côi. Hai anh em cùng mỗi cô cha mẹ từ sớm. Hai anh em đi lang thang một ngày trong thành phố, không có một đồng xu nhỏ. Buổi chiều, trước khi đưa em trở về viện, người anh dẫn em vào một công viên, yên lặng lấy đất đắp thành những mô hình sông núi quê hương, thầm nghĩ hai anh em trơ trọi giữa đời, thôi bày trò chơi đắp hình, sông núi với em, để có được cùng em, dù một cách rất tội nghiệp buồn rầu, một ý niệm về điểm tựa, về nguồn gốc. Thật là chững chạc và cũng thật là cảm động. Đó là truyện ngắn thứ nhất của Dương Nghiễm Mậu.

(Mai Thảo – Con đường Dương Nghiễm Mậu)

Văn chương

Văn chương – Văn: lời văn. Chương: từng bài.

Những gì diễn tả bằng chữ, thành câu, thành bài ghi lại những sự kiện trong đời hay do trí tưởng tượng mà ra, gọi là văn chương.

Truyện Kiều có câu: “*Văn chương nét đất – Thông minh tính trời*”.

I và y

Cho là dùng chữ “i” sáng tạo hơn, hay hơn và...ngắn gọn hơn chữ “y” nên Bộ Giáo Dục Việt Nam ra hẳn một quyết định ngày 5. 4. 84 về việc thay thế chữ y.

Giai thoại làng văn 54-75



Khi nhóm Sáng Tạo có tổ chức một buổi Hội thảo Văn Học bàn về thi ca do Thanh Tâm Tuyền tổ chức. Người khách mời không thể thiếu được trong những buổi thảo luận này là thi sĩ Nguyễn Sa..Ông đã không có mặt vì không được mời. Cung Trầm Tưởng tham dự các buổi thảo luận này, cũng xác nhận là không có mặt Nguyễn Sa.

Trước đó, Nguyễn Sa có ý chê trách gián tiếp những người của nhóm Sáng tạo muốn xoá sạch văn nghệ tiền chiến. Nhiều người hiểu lầm Nguyễn Sa thuộc nhóm Sáng Tạo. Đã thế, lúc đầu có thể Nguyễn Sa còn bị nhóm Sáng Tạo “tránh né”. Đặc biệt là Thanh Tâm Tuyền. Bởi vì Thanh Tâm Tuyền có vẻ không ưa gì lối thơ lục bát của Nguyễn Sa. Sau này Nguyễn Sa viết:

“Tôi đã nói là một số các anh em (ám chỉ Sáng Tạo) đã nói không với tiền chiến. Nhưng thật ra tiếng nói ấy, lời phủ nhận đó mơ hồ lắm, chẳng có gì là rõ rệt cả. Chúng ta vẫn nói là ra đi và vẫn nằm yên trong nơi ở mùa đông đó. Văn nghệ những năm 50, 60 đã cất tiếng, mà tôi gọi là ồn ào phủ nhận văn nghệ tiền chiến, nói lên ý muốn làm mới, làm khác tiền chiến. Vì ồn ào cho nên không rõ rệt...”.

Ca dao

Ca dao là thơ, được gạn lọc từ thời này qua thời khác do những thi sĩ khuyết danh. Cách gieo vần hạ chữ tài tình, giàu âm thanh mộc mạc tượng hình, tượng cảnh:

*Có rửa thi rửa chân tay
Chớ rửa lông mày chết cá ao anh*

Đúng ra thì còn hai câu nữa là:
*Có chết thì chết cá mè ranh
Đừng chết cá trắm, chép mà anh bắt đèn*

Theo một vị cao niên, uyên bác thì trong hai câu cuối này:
Không phải là cá mình tròn như cá xộp, cá quả, cá trê. Mà toàn những cá màu trắng. Thân hình như chiếc lá. Rất gợi hình, ví von.

(Nguyễn Phú Long – báo Xây Dựng)

“Hư từ” với...“chớ”

"Hư từ", theo Hồ Ngọc Đức là những: *"Từ không tiêu biểu cho sự vật, hành động hoặc không có đối tượng và chỉ biểu thị những mối quan hệ giữa các thực từ trong câu."*

Chẳng hạn như từ "chớ" trong phương ngữ miền Nam.

"Chớ", thoát tiên, là từ đồng nghĩa với "chứ" theo cách nói của người phương Bắc. Hãy nghe lời thề non hẹn biển của đôi tình nhân trai Bắc gái Nam: "Sao em lại nghĩ thế, anh yêu em lắm *chứ*. Đứa nào nói dối, trời phạt." Nếu chàng gốc gác Nam kỳ, thì câu nói sẽ khang khác: "Nói tâm bậy nà, anh thương em lắm *chớ*. Đứa nào nói láo, trời đánh." Vậy mà bạn bè của nàng cứ rủ rỉ khuyên ngăn: "Mày *chớ* nghe những gì thằng đó nói, mà hãy mở mắt coi kỹ những gì nó làm!".

Thì ra, "chứ" hay "chớ" từ vị trí khẳng định trong "lắm *chứ*" hay "lắm *chớ*" đột nhiên biến thành "chớ" mang nghĩa phủ định, có nghĩa như "đừng", nhưng "yếu" hơn, gần như "không nên". Nhưng, khi ai đó nói: "Với anh, chuyện gì tôi cũng làm, *chớ* chuyện cho anh mượn tiền, tôi chịu thua." Thêm lần nữa, "chớ" thay xiêm đổi áo, không khẳng định hay phủ định gì ráo, mà đâm ra lưỡng lự và biến dạng tương tự như "còn". Nguyên nhân gì xui khiến "chớ" thay lòng đổi dạ chóng vánh như vậy, thú thật, tôi không rõ.

(Ngô Nguyên Dũng - "Áo từ" hay "biến từ" trong tiếng Việt?)

Chữ nghĩa làng văn

Văn hóa là vô cùng vô tận, là thiên biến vạn hóa theo thời gian; với văn hóa thì không thể áp đặt, không thể đem văn hóa của dân tộc mình để gán ép cho văn hóa của dân tộc khác. Như Tết cổ truyền của chúng ta là vào tháng 3 chứ không phải vào đầu tháng giêng âm lịch theo người Trung Quốc.

Tết với người Trung Quốc có thịt mỡ, câu đối, nhưng Tết của người Việt ngoài thịt mỡ, câu đối còn có thêm *dưa hành với bánh chưng, bánh tét*.

Ấy là sự phát triển để hình thành nên một nền văn hóa khác.

(Trần Quốc Vượng - Văn hóa Việt Nam, tìm tòi và suy ngẫm)

Cái nông trong thơ

Ngông là một phong thái có sức quyến rũ lớn trong cuộc sống cũng như trong văn học. Không hiếm người muốn khẳng định cá tính lúc nào cũng tỏ ra ngông.

Trong lịch sử văn học Việt Nam, Nguyễn Trãi là người đầu tiên nhận mình ngông. Cái ngông của Nguyễn Trãi được vào thơ, hóa thành thơ. Người ngông nhất trong làng thơ xưa có lẽ là Tú Xương. Sau Tú Xương, có Tản Đà. Chưa chắc ngông hơn Tú Xương song rõ ràng là Tản Đà tự giác về cái ngông của mình hơn Tú Xương.

Thời 30-45, không có ai ngông. Thời kháng chiến cũng như mấy chục năm thi ca xã hội chủ nghĩa Miền Bắc, không có ai ngông. Văn học Miền Nam giai đoạn 54-75 thì có. Có hai người: Bùi Giáng và Nguyễn Đức Sơn. Cả hai đều tận cùng ngông. Sau năm 1975, trong nền thi ca hải ngoại Cao Tần chỉ ngang tàng chứ chưa ngông nghênh.

Dĩ nhiên, trong thơ, không phải ngông mới hay. Nguyễn Du không ngông. Nguyễn Du rất nhẹ nhàng lau lách nhưng lại làm vàng một cõi đời hui mênh mông trong lịch sử...

(Nguyễn Hưng Quốc - Nghĩ về thơ)

Việt khác Tàu thế nào

Người Tàu ở nhà hầm, người Việt nhà sàn.
Tàu đúc đỉnh, Việt Nam làm trống.
Kẻ sĩ Tàu nằm ở các đô thị, Việt phần lớn nằm ở làng quê.

Tâm lý dân tộc:
Tàu tâm lý làm lớn, làm lớn, duy ý chí.
Việt chủ tình ưa dung hòa...nửa vời.

(Trần Quốc Vượng - Văn hóa Việt Nam - Tìm tòi và suy ngẫm)

Mục hạ vô nhân

Có người hiểu "mục" là "thú vật", "mục đồng". "Hạ" là "thấp hèn", "hạ cấp". "Vô nhân" hiểu nghĩa "không phải là người".

Thực ra "mục" đây là "mắt" như "mục kích". "Hạ" là "dưới" như "thượng, hạ". "Mục hạ" là dưới con mắt mình. "Vô nhân" là "không có ai". Hiểu là tự kiêu vì dưới con mắt mình không có ai hơn mình.

(Duy Lý – báo Tự Do)

Trường hợp Chùa Đàn

Chúng tôi cho rằng, *Chùa Đàn* là sự kết hợp (có phần khiên cưỡng) của hai mạch văn khác nhau của Nguyễn Tuân. Một mạch văn mới được khơi lên mà có thể gọi là mạch "Sám hối" hay "Lột xác" (chữ dùng của Nguyễn Tuân). Hồi ấy, tâm lý chung của các nhà văn gọi là lãng mạn là như thế: Cảm thấy cái tôi và nghề văn của mình là một cái gì hết sức tầm thường, nhỏ bé, vô ích, thậm chí tội lỗi trước cuộc khởi nghĩa. Họ tuyên bố từ bỏ quá khứ của mình và quyết "lột xác".

Làm sao có thể diệt được hết con người cũ một cách chóng vánh, gọn ghẽ như thế được! Cho nên mạch văn thứ hai ra đời từ trước cuộc khởi nghĩa vẫn tồn tại và phát triển trong *Chùa Đàn*: Mạch "yêu ngôn". Xét tương quan giữa hai mạch văn này thì "Sám hối", "Lột xác" phần mở đầu và kết luận là cái vỏ của tác phẩm, *Yêu ngôn* mới là cái ruột.

(Nguyễn Đăng Mạnh - Yêu ngôn của Nguyễn Tuân)

Thờ cúng ở đình làng

Đình làng lớn thường có một tòa nhà hình chữ T, phần dọc là đình trong (hậu cung hay nội điện) là chỗ thâm nghiêm để thờ thần, phần ngang là đình ngoài (tiền tế hay đại bái) chia làm ba khoảng, giữa gọi là trung đình là nơi tế tự, hai bên gọi là tả gian và hữu gian, ở trong có bàn thờ Thổ địa, hoặc thờ bộ hạ của thần, hoặc thờ Hậu thần. Vị thần thờ ở đình như thần Tản Viên, thần Phù Đổng, có khi là nhân thần hay phúc thần, như Lý Ông Trọng, Phạm Ngũ Lão. Những người sáng lập ra làng, hay những ông quan có công với làng, khi chết thường cũng được thờ làm thần, như Nguyễn Công Trứ lập ra các làng ở hai huyện Kim Sơn và Tiền Hải ở Ninh Bình và Thái Bình.

Lại còn một thứ thần là người thường mà chết bất đắc kỳ tử được giời thiêng thì cũng được người ta thờ làm thần, vì thế mà có những thần ăn trộm (Lộng Khê, Thái Bình), thần chết nghẹn, thần tà dâm, v..v..

Sự tích của mỗi vị thần có ghi chép ở trong thần tích, dân làng giữ rất kín ở một nơi với thần sắc của vua ban cho. Thần sắc có ba bậc: Thượng đẳng thần, Trung đẳng thần, Hạ đẳng thần.

Trong lễ vào đám của ít nhiều làng, có một nghi tiết gọi là hèm, làng thường bày một trò để nhắc lại sự nghiệp vị thần làng thờ. Ví dụ khi vào đám lễ thần ăn trộm thì ban đêm con trai con gái trong làng đốt đuốc đi xung quanh đình giả tìm kẻ trộm, trong khi ấy người thủ từ lấy tượng thần đưa qua lỗ ngạch, có ông tiên chỉ đứng chực sẵn ở phía ngoài nắm lấy cổ tượng thần đám ba đám rồi bỏ lên kiệu rước lại vào đình.

Ở làng thờ thần cụt đầu (làng Khắc Niệm thượng, tỉnh Bắc Ninh) thì đến ngày vào đám, người ta lấy một con lợn sống, một người cầm gươm chém đứt đầu lợn lấy bỏ vào nồi nước mắm đương sôi, rồi đặt lên hương án để cúng.

(Đào Duy Anh - Việt Nam văn hóa sử cương)

Chữ nghĩa làng văn

Hành văn tối nghĩa là một trong những bệnh bất trị của người cầm bút bất tài. Người đọc không hiểu nội dung bài viết là lỗi ở tác giả. Không thể nói người đọc không đủ trình độ lãnh hội, mà phải quy trách nhiệm về tác giả không có tài diễn đạt một cách sáng sủa, hoặc thiếu khả năng trình bày một vấn đề cho dễ hiểu.

“Cơn gió nhan nhác thổi nơi quê nhà muối mặn điều tiết hơi thở ta phả vào ngực em khi hậu lá xanh non giây phút sinh thái của đá tảng đầu thai núi non và rừng cây đại thụ vỗ cánh ký ức hung hãn động huyết mũi mẫn thân xác run rờ rọi đường cong mềm mại va chạm phé tích rừng mình ở phía chân trời duỗi rộng tiền kiếp hun hút phận người còn vang vọng mãi tiếng chuông cam.

” Trời đất! Cái gì vậy? Thần chú hả? Dạ thưa, không phải. Tôi (Lâm Chương) vừa trích dẫn một đoạn thơ xuôi. Chữ nghĩa thật là kinh khủng. Có ai hiểu ý tác giả muốn nói gì không? Nếu không hiểu, có phải tại người đọc không đủ trình độ lãnh hội, hay tại cách viết tối nghĩa? Riêng tôi, đọc qua một lần không hiểu. Đọc lại vài lần nữa vẫn không hiểu. Vô nghĩa và rắc rối khó khăn như một bài thần chú. Tác giả sáng tác đoạn văn trên trong cơn đồng thiếp. Người đọc, nếu không “ngộ”, ắt bị tẩu hoá nhập ma.

(Lâm Chương – Tán gẫu trong quán cà phê)

Bào là...bọt

“Dịch thể ngoạn ngọc bào”: Bào là bọt, tôi lấy làm suy nghĩ về chữ “bào” rất nhiều.

Dẫu sao một hạt bọt trà dính trong câu thơ Tàu lưu lạc từ hơn nghìn năm xưa quả không đủ sức làm dâng lên sự suy tưởng trong một trí óc nặng nề. Sở dĩ tôi đã đâm ra nghĩ ngợi chỉ vì có thể từ “bào bọt” ta có hai chữ “bèo bọt” chẳng. Dám lắm ạ!

(Võ Phiến – Bọt trà)

Truyện chớp - Nhà thơ

Hắn là nhà thơ, và cũng giống như nhiều nhà thơ khác chung quanh hắn, hắn luôn luôn trình diễn về cô đơn ở những nơi có đàn đúm văn nghệ. Đêm nào hắn cũng chiêm bao thấy thơ mình được viết trên tường ở các nhà ga, bến xe...

Tháng trước, hắn lạnh cả người khi phát hiện một câu thơ của mình được ai viết lên tường cầu tiêu của một tiệm phở bình dân. Chen vào giữa những dòng chữ rất phổ thông như: "Xa quê hương, nhớ mẹ hiền", "Hận kẻ bạc tình", "Đéo mẹ cuộc đời", "Đụ má thằng nào viết bậy lên tường", "Vui lòng đội cầu sau khi dùng".

Hắn vội vã chạy về lấy máy chụp ảnh, trở lại tiệm phở, kêu một tô khác, trả tiền, nhưng không ăn phở mà lên vào cầu tiêu, chụp câu thơ của mình qua 36 góc độ khác nhau, rồi vội vã chạy đi rửa phim. Sau đó, hắn chọn một bức đặc ý nhất, cho phóng lớn, lồng vào khung kiếng, treo trên tường ngay cạnh bàn viết, rồi ngồi bất động hàng giờ một mình để ngắm. Hắn rất hài lòng, nhưng vẫn thấy dường như câu thơ trong khung ảnh lồng kiếng không bằng câu thơ trên tường cầu tiêu tiệm phở bình dân: “Thơ hay hơn, đẹp hơn, và ngồn ngộn hơi hướm của đời sống”.

Suốt cả tháng qua, giới văn nghệ thấy hắn có vẻ cô đơn hơn. Suốt cả tháng qua, chủ tiệm phở lấy làm lạ vì sáng nào cũng thấy một người đàn ông đến gọi một tô phở, trả tiền, nhưng chẳng ăn mà đi thẳng vào cầu tiêu, ở trong ấy rất lâu, rồi trở ra và rời quán, bỏ lại tô phở nguội.

Anh hùng

Thành ngữ “Người đời muôn sự của chung – Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi”.

Anh: vua loài hoa. Hùng: vua loài thú. Chỉ người hào kiệt xuất chúng. Trong sách Vương Thông có nói: “Tự tri giả anh, tự thắng giả hùng”, nghĩa là “tự biết mình là *“anh”*, tự thắng mình là *“hùng”*”.

Tiếng Việt mình... khó quá!?

Tên một số địa phương viết không thống nhất: tỉnh “Đắc Lắc” và “Đắc Nông” như cách viết trước đây nay lại viết thành “Đak Lak” hoặc “Đắk Lắk” và “Đak Nông” hoặc “Đắk Nông”! Ai quy định như vậy? Cho dù người địa phương phát âm như thế nào đi nữa, tiếng Việt mình vẫn có khả năng ghi lại một cách chính xác cơ mà!

Rồi còn tỉnh “Bắc Cạn”, mà nay thì nhiều người lại viết thành “Bắc Kạn”. Cứ cái đà này, rồi có ngày chúng ta sẽ phải viết tên các địa danh khác: Kủ Chi, Kản Thơ, Kao Bằng...?

Những chuyện đọc và viết kể trên – chưa kể được hết - đang diễn ra một cách quá... lộn xộn. Chữ viết và cách phát âm của một dân tộc đâu có thể tùy tiện “mạnh ai nấy viết” được? Bởi ít nhất Ủy ban Giáo dục của Quốc hội phải biết, phải quy định cho cụ thể. Thử nhìn sang các nước mà xem, người ta không tùy tiện như vậy đâu! Ai không tin cứ giở ngay những cuốn từ điển La Rousse của Pháp, từ cuốn xuất bản cách đây vài chục năm đến cuốn mới nhất, người ta vẫn có mục từ alphabet, viết ra sao, chữ hoa ra sao, và theo thứ tự “a, b, c...”.

(Nguyễn Lê Bách - ĐatViet.com)

Tiếng Việt tiếng Pháp

Hiện tại, trong vốn từ của Việt Nam, ngoài là từ gốc Hán còn khoảng 200 từ của gốc Pháp. Các từ này còn đang sử dụng đâu đó, nhiều khi miệng nói, tay viết ra nhưng không biết câu ấy có một từ tiếng Pháp trong đó.

Thí dụ như: Su hào (trái), phay (con dao), bóp (cái ví), soong (nấu bếp), măng cụt (trái cây), lon (chức vụ quân đội), bạt (tấm vải dày), bi (viên đạn tròn).

(Nguyễn Đức Tuấn – Đặc san Phù Sa Sông Cừu)

Trái - phải

Người Tàu vì “nam tôn nữ ti”, “*dương thiện âm ác*” nên bên trái thuộc âm, bên phải dương: Vì vậy con gái đứng bên trái (bao giờ cũng trái, sai), con trai đứng bên phải (khi nào cũng phải, đúng).

Tiếng Việt cổ thì “trái - phải” là “*chiêu - đăm*” với *chiêu* là trái (sai), *đăm* là phải (đúng). Nên mới có thành ngữ “chân đăm đá chân chiêu” (chân nam đá chân chiêu).

Hai chữ “chiêu đăm” ít dùng dần vì người Việt thấy thành ngữ trên sai (không đúng). Vì vậy “chiêu đăm” được đọc là... “đăm chiêu”.

(Trần Ngọc Thêm – Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam)

Giai thoại làng văn 54-75

Mai Thảo gửi tới chúng tôi *Đêm Giã Từ Hànội*. Tôi nhận được một bao thư dày cộm, không địa chỉ người gửi, trong đựng xấp bản thảo đánh máy. Bút hiệu Mai Thảo hoàn toàn xa lạ với tôi. Liếc nhìn dòng chữ đầu tiên của bài gửi, tôi giật mình kinh ngạc: “...*Phượng nhìn xuống vực thẳm: Hànội ở dưới ấy...*”.

Nhớ trong buổi họp kiểm bài vở trước khi chuyển xuống nhà in, tôi đã không thể ngăn nổi mình yêu cầu các anh Hiệp, Tế nghe tôi đọc *Đêm Giã Từ Hànội* đăng trọn trong một kỳ báo, không cần lời giới thiệu. Và tôi đọc say sưa, *hùng hồn* liên hồi. Và các anh *chịu khó* ngồi nghe trên căn gác lửng tối chật của tòa báo.

Anh Tế kết thúc buổi họp nói đùa “Anh làm chúng tôi mất cái thú tự mình khám phá”. Đăng bài Anh, tôi viết lời nhắn mời anh đến chơi tòa soạn. Mai Thảo đến.

(Thanh Tâm Tuyền - Trong đất trời nhau...)

Sâm thương

Nói sự cách biệt không gặp nhau như sao sâm (mọc ở phía tây) và sao thương (mọc ở phía đông) không xuất hiện cùng một lúc trên bầu trời.

[Ngán cho Kiều khi lỡ bước sâm thương](#)

[Cung đàn dây loan còn mắc mãi](#)

(Nguyễn Công Trứ)

(Nguyễn Thạch Giang – Văn học tập giải)

Từ điển với tiếng Việt

Những từ Pháp, Anh trước kia đã được Việt hóa như ô tô, sà bông, xe tăng thì với:

Từ điển tiếng Việt của Văn Tân phiên âm như ga men, lô ga rít, vôn kê, ác mô ni ca...

Từ điển tiếng Việt của Hoàng Phê để nguyên chữ cliker, logarithm, volt... và định nghĩa: Volt: Đơn vị đo biểu thế, điện thế.

Như vậy thì đâu còn là... *Từ điển tiếng Việt* nữa?

(Đặng Trần Huân – Chữ nghĩa bề bề)

Chữ nghĩa và tiếng Việt sao rắc rối thế

Tiếng Việt miền Bắc nè:

- Lợn lòi : lợn rừng.
- Lợn sề : lợn đẻ nhiều lần.
- Lợn nái : lợn nuôi để đẻ.
- Lợn sữa : lợn con còn bú sữa mẹ.
- Lợn bột : lợn mới lớn nhưng còn non.

- Lợn tháu : lợn kêu nhiều
- Lợn cần : lợn được nuôi làm giống.
- Lợn ỉ : lợn có bụng to chỉ có ở VN (có nơi gọi là lợn mọi hay lợn cỏ) sắp bị tuyệt chủng.
- Lợn Max : Lợn ỉ của tài tử nổi tiếng George Clooney nuôi, lợn Max chết tháng 12-2006.

(Trau dồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

Mì

Mì là... mì, là cái sợi làm bằng bột mì được các ông, các bà ăn hàng ngày đấy. Mì khô, mì ướt, mì xào. Mì Mỹ Tho, mì Nam Vang. Vậy mà không biết à? Vậy mì là... cái gì?

Đại Nam quốc âm tự vị (1895) của Huỳnh Tịnh Của định nghĩa *Mì* (chữ Nôm) như sau:
Mì, lúa mì : thứ lúa gạo người phương Tây hay dùng. *Khoai mì* : khoai tốt bột, cũng là khoai sắn(g), khoai gòn. *Mì xọ* là bột làm ra (từ) sợi nhỏ

Tên Mì là do người Việt đặt ra? Tên *Mì* từ đâu ra?

Người Việt ngày nay ai cũng biết là bánh mì của Pháp (ngoài Bắc trước kia gọi là bánh tây), nướng trong lò. Cắt ngang một ổ bánh mì thì thấy bên ngoài có một lớp mỏng giòn, bên trong là ruột mềm. Người Pháp gọi lớp giòn là crote, ruột mềm là mie (đọc là mì). Có nhiều khả năng là từ *Mie* đã được Việt hoá thành *Mì* ?

Thế mới biết sức cảm dỗ của cái bánh tây của thực dân Pháp. Làm thay đổi cả cách ăn nói của người Việt. Ghê gớm thật !

(Nguyễn Dư – Chim viết.free.fr)

Chữ nghĩa làng văn

Lại nói đến hành văn rắc rối, chữ nghĩa khó khăn. Xưa nay tôi vẫn thăm thẳm ngưỡng mộ những người làm thơ viết văn. Chữ nghĩa đầy bụng, họ là bậc thầy của ngôn ngữ. Trong một bài chỉ ngàn ấy chữ, nhưng họ khéo léo sắp xếp đúng vị trí ngôn từ làm thành bài thơ hay, đọc lên nghe truyền cảm lạ lùng.

Ngược lại cũng có những người nhân danh đổi mới cấu trúc, làm mới ngôn từ, họ không đi theo “đường xưa lối cũ” nữa. Họ chủ trương khai phá những vùng đất âm u chưa có người đặt chân đến bao giờ. Vậy thì tốt thôi, nhưng xin đừng chê bai những người theo “đường xưa lối cũ”. Cái gì là “hậu hiện đại” chứ? Tôi có đọc những bài lý thuyết về “hậu hiện đại”, nhưng thật tình không hiểu các ngài muốn nói cái gì? Xin đừng hù nhau theo kiểu đó nữa. Đổi mới cách hành văn, làm mới ngôn từ ư?

“Trời oản lưng gánh đá - Rét bắt đầu ngun ngoe...”. Lại cái gì nữa đây? Lại cũng xin thưa rằng, đây là đoạn trích dẫn mở đầu một bài viết thể hiện sự đổi mới ngôn từ.

Hiểu gì? Có hiểu gì không?

Ngun ngoe gánh đá - Oản lưng gừ gào

Hiểu gì? Không hiểu gì sao?

Thả gồng bấp gổ chui vào chẵn mây...

Mới đọc chùng ấy thôi, tôi đã mất hứng vì chẳng hiểu “thả gồng bấp gổ” với “oản lưng gừ gào” sương muối là ký gì ?!

(Lâm Chương – Tán gẫu trong quán cà phê)

Tục ngữ Tàu và Ta

Bất quá tự gia ma thằng đoản

Chỉ quá tha gia cổ tính thâm

(Không trách dây thừng mình ngắn
Chỉ đi hạm hực giếng người sâu)

(Trường giếng sâu anh nối sợi dây dài
Ngờ đâu giếng cạn anh tiếc hoài sợi dây)

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

Tự điển

Chữ quốc ngữ sau khi thành hình không lâu đã có cuốn từ điển tiếng Việt đầu tiên của Paulus Huỳnh Tịnh Của, cuốn *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị* xuất bản cuối thế kỷ 19.

Dựa theo cuốn tự điển đầu tiên này nhiều tự điển và từ điển Việt Nam khác được các tác giả sau này biên soạn. Phía nhà cầm quyền cộng sản sau 1946 không biên soạn tự điển tiếng Việt ngay. Cho tới khi cộng sản chiếm hoàn toàn miền Nam Việt Nam năm 1975 cuốn từ điển thông dụng của họ chỉ có *Từ Điển Tiếng Việt* do Văn Tân chủ biên. Nguyễn Văn Tu viết rằng từ trước tới nay Việt Nam chỉ có 6 cuốn từ điển tiếng Việt mà ông gọi là từ điển một ngôn ngữ. Tác giả liệt kê những từ điển có trước 1945 như cuốn từ điển của Huỳnh Tịnh Của, Việt Nam Tự Điển của Hội Khai Trí Tiến Đức và kể thêm một cuốn của Đào Văn Tập xuất bản tại Sài Gòn.

Sau đó, cũng tác giả cho in cuốn *Các Nhóm Từ Đồng Nghĩa Trong Tiếng Việt*, khi liệt kê các từ điển Việt Nam có ghi thêm *Từ Điển Tiếng Việt Phổ Thông* của Viện Ngôn Ngữ Học nhưng cả hai cuốn sách của ông Tu đã dẫn đều không hề nói tới cuốn từ điển của Lê Văn Đức.

Việt Nam Từ Điển của Lê Văn Đức được biên soạn trong mười năm với sự hiệu đính của nhà ngôn ngữ học Lê Ngọc Trụ, ấn hành trong ba năm và tới năm 1970. Bộ từ điển gồm hai cuốn khổ lớn, chữ nhỏ dày tổng cộng 2515 trang có đầy đủ phần định nghĩa thông thường và các phần nhân danh, địa danh, tục ngữ, thành ngữ, điển tích . . .

Chẳng lẽ Nguyễn Văn Tu là một giáo sư nhiều năm, đã từng viết sách về ngôn ngữ mà không biết tới bộ từ điển đồ sộ Lê Văn Đức. Thực ra thì ông Tu biết nhưng hoặc là theo chỉ thị hoặc là tự ý ông muốn dìm những tác phẩm của miền Nam chẳng vì cho rằng cái gì xuất hiện ở miền Nam đều vô giá trị.

Con cạp, con chó

Người Mường có danh từ *Khai* để chỉ con chó, đồng thời lại có nghĩa là con cạp. Theo cố đạo L. Cadière thì tiếng Việt xưa cũng gọi con chó là *Khai*, hình thức cổ sơ của danh từ...con cày.

Trích...“Tập làm văn”

Đề: Em hãy miêu tả mùa xuân.

“Mùa xuân ở quê em mở rất nhiều hội. Những ngày ấy trên đường có rất nhiều các ông các bà tay cầm ô đen, ô đỏ đứng nói chuyện râm ran như bầy chim lú lo gọi mẹ????”.

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Nếu biết rằng em đã lấy chồng
Anh về, tưởng tượng đại là không
E-mail cứ viết, phone cứ gọi
Sẽ có ngày em...ly dị chồng

Giai thoại làng văn

Nguyễn Hữu Thịnh có máu làm quan, chỉ cố chí leo lên cho được một cái ghế lãnh đạo. Không biết có phải nhờ trời phật phù hộ không mà Thịnh cứ lên vùn vụt. Từ uỷ viên chấp hành lên Tổng thư kí Hội nhà văn. Xuyết nữa vào nhà đồ thay Tố Hữu.

Lúc ấy Nguyễn Ngọc bắt đầu bị cấp trên đề ý. Lãnh đạo tỏ ra khó chịu về cái vai tổng biên tập báo *Văn nghệ* khá bất trị của anh, và muốn tìm người thay. Một trong những người được các vị nhắm tới là Hữu Thịnh. Hôm ấy, cùng Thịnh đi dạo trên hè phố Hải Phòng, Thịnh nói với tôi dứt khoát: “*Em với anh Nguyễn Ngọc, đời nào em lại muối mặt ngồi vào chỗ anh ấy*”. Vậy mà chỉ ít ngày sau, đã thấy Thịnh nhận chức Tổng biên tập *Văn nghệ*.

Con người này, đúng là không thể tin cậy được.

So sánh Thịnh với những ông Tổng thư ký tiền nhiệm xem, thử nghĩ mà xem, các ông Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Khoa Điềm có gì hơn Thịnh nào? Các vị đã làm được gì để bảo vệ anh em những lúc bị quy chụp chính trị bừa bãi, thậm chí bị tù oan? Đã làm gì để giúp Hữu Loan trong những ngày khốn khổ ở Thanh Hoá? Đã làm gì để bênh vực Trần Đức Thảo, Trương Tửu, Phùng Quán, Lê Đạt... trong vụ Nhân văn – Giai phẩm? Đã làm gì để cứu Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần, Hoàng Cầm khỏi đi tù? Đã làm gì để giúp đỡ gia đình Nguyễn Hồng trong những ngày đói khát ở Nhã Nam? Đã làm gì để bảo vệ danh dự cho Trần Độ, đến lúc chết vẫn còn bị vu cáo?...v.v...

Té ra tất cả, từ Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Khoa Điềm đến Hữu Thịnh đều là một lũ bù nhìn, đều vô tích sự như nhau cả thôi.

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

Câu đối đề tặng:

*Nếu giàu quen thói kinh khơi, con cháu nương nhờ vì ấm
Việc nước ra tay chuyên bát, bắc nam đâu đẩy lại hàng*

(Lê Thánh Tông, câu đối đề ở một hàng bán giàu (trầu) nước)

Ráng

Ráng mỡ gà thì gió
Ráng mỡ chó thì mưa

Ráng là đám mây phản chiếu ánh sáng mặt trời vào buổi sáng hay buổi chiều

(Khải-Chính Phạm Kim-Thư. báo Tự Do)

Báo chí và văn học

Tình trạng ở Việt Nam, cho tới nay, báo chí vẫn chiếm vị trí trung tâm trong sinh hoạt văn học: Báo chí là nơi giới thiệu những tài năng mới, là nơi đầu tiên công bố phần lớn các tác phẩm văn học, và cuối cùng, là phương tiện chủ yếu để nuôi sống những cây bút "chuyên nghiệp". Lịch sử văn học hiện đại Việt Nam, do đó, gắn chặt với lịch sử báo chí. Trung tâm của mỗi giai đoạn văn học thường là một hay vài tờ báo nào đó của hai thập niên đầu tiên của thế kỷ 20 là tờ *Đông Dương* và tờ *Nam Phong*; của thập niên 30 là những tờ *Phong Hoá* và *Tiểu thuyết Thứ Bảy*; của những thập niên từ 50 đến 70, ở miền Bắc là *Nhân Văn* và *Giai Phẩm*, rồi sau đó, *Văn Nghệ* và *Tác Phẩm Mới*; ở miền Nam, là *Sáng Tạo*, rồi *Thế Kỷ 20*, *Văn*, *Bách Khoa*..v.v...

Nên lưu ý là phần lớn những tờ báo lớn và được xem là trung tâm của mỗi giai đoạn vừa kể đều không hẳn là những tờ báo thuần túy văn học. Ngay cả tờ báo nổi tiếng lừng lẫy như *Phong Hoá* cũng chỉ là một tờ báo pha tạp giữa văn học và xã hội. Cơ quan ngôn luận chính

thức của Hội Nhà Văn Việt Nam vẫn là một tờ báo văn nghệ (*Văn Nghệ*) chứ không phải là văn học.

Hơn nữa, hầu hết các tờ báo thường được gọi là thuần túy văn học cũng chỉ là những tạp chí (magazine) chứ không phải là chuyên san hay tập san (journal), nghĩa là có tính đại chúng hơn là chuyên môn.

(Nguyễn Hưng Quốc – Việt Nam một nền văn học nghiệp dư)

Việc sử dụng dấu chấm câu trong báo chí

Sách báo trong thời gian gần đây rất ít dùng dấu phẩy (,).

Dấu phẩy để ngắt các thành phần trong câu. Sau đây chúng tôi xin dẫn chứng ra một số trường hợp dùng dấu sai trên các sách báo:

- Trong báo Lao động thủ đô có viết: "Nhiều sự việc xảy ra trên địa bàn Hà Nội báo chí Hà Nội được sự chỉ đạo tạm thời không đưa tin..."

Đúng ra thì sau "... *địa bàn Hà Nội*" phải để dấu phẩy: "Trên địa bàn Hà Nội, báo chí Hà Nội được sự..."

(Trần Dĩ Hạ - Tạp chí Tài hoa trẻ)

Độc thơ và hiểu thơ

Việc đọc thơ và hiểu thơ không đơn giản chút nào, không phải chỉ những bài thơ viết bằng chữ Hán, chữ Nôm mà ngay cả với chữ quốc ngữ.

Như câu thơ của Hàn Mặc Tử đã từng gây nên nhiều tranh cãi:

Lá trúc che ngang mặt chữ điền
Gió theo lối gió, mây đường mây

Tại sao mặt chữ điền? Vì "*chữ điền*" thường để chỉ mặt đàn ông.

(Nguyễn Cẩm Xuyên – Lá trúc che ngang mặt chữ điền)

Nhà văn, nhà báo

Không ai bẩm sinh là nhà văn, nhà báo. Họ trở thành nhà văn, nhà báo là vì viết nhiều. Nhà báo Mỹ Henry Lewis Mencken, tác giả cả chục cuốn sách đã nói:

- Viết văn cũng như làm tình.

Tất cả chỉ là công việc thường ngày, làm nhiều thành quen. Và không làm không được: Viết là viết. Viết. Viết. Viết. Viết.

(Vũ Thụy Hoàng – Múa bút)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Thiền sư đang ngồi không, thiền sinh vào đun bếp châm trà. Thiền sư nhìn thấy trong túi học trò mình có quả trứng. Ông hỏi:

- Con mang quả trứng để làm gì?

- Con muốn tìm hiểu con gà có trước hay quả trứng có trước.

Thiền sư từ tốn lấy quả trứng đập vỡ lên cái đĩa nhỏ. Ông hỏi:

- Con có thấy con gà không?

- Thưa thầy, không.

Thiền sư bưng đĩa lên húp một hơi. Ông lại hỏi tiếp:

- Thấy quả trứng không?

- Thừa thầy, không.

Xong, thiền sư vừa thưởng trà vừa ngâm nga:

Không có có

Có có không

Trước là không hay trước là có?

Gật đầu dẫu nghĩa có hay không?

Lắc đầu muốn nói không hay có?

Làm thỉnh không có có hay không

Tiếng Việt vừa khó vừa dễ

Tiếng Việt miền Nam nè:

- Heo lang : heo đen có xen đốm trắng.
- Heo voi : heo nhà loại lớn con
- Heo bông : heo đốm đen trắng lẫn lộn.
- Heo nưa : heo vàng mỡ.
- Heo lửa : heo choai choai mới lớn..

(Trau dồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

Bản thảo

Theo Tàu là sách ghi chép...*các vị thuốc*.

Theo Ta là bản viết tay, bản đánh máy của một tác phẩm trước khi mang đi in ấn.

Chữ

Nếu chữ là yếu tố căn bản của ngôn ngữ thì câu là yếu tố căn bản của văn chương.

Chữ, trong văn chương không có chữ hay hay chữ dở, chữ thanh hay chữ tục, chữ cũ hay chữ mới: Chỉ có những chữ “đắt” hay không mà thôi. Chữ “đắt” sẽ không còn là những cái xác nằm bẹp dí trên trang sách, như chúng vốn nằm vậy, trong các cuốn từ điển, mà chúng trở thành những sinh vật biết ngộ nguậy khiến người đọc nếu không ngạc nhiên một cách thích thú thì ít nhất cũng chú ý, từ đó, ghi nhớ.

Như Đỗ Phủ đã từng nói: "Ngữ bất kinh nhân, tử bất hưu" (*Chữ dùng không làm thiên hạ giật mình thì chết không an tâm*).

(Nguyễn Hưng Quốc – Chữ: Cần nhất là biết gây ấn tượng)

Chữ nghĩa làng văn

Bản thảo là *văn bản* do *tác giả* viết ra trong quá trình sáng tạo ra *tác phẩm*.

Bản thảo là nguồn văn bản quan trọng nhất trong việc xác định văn bản chuẩn của tác phẩm, là tư liệu có giá trị cho việc nghiên cứu lịch sử hình thành tác phẩm văn học, quá trình sáng tác của nhà văn, là đối tượng của các bộ môn khoa học như *văn bản học*.

Theo ý nghĩa chặt chẽ nhất của khái niệm, bản thảo là bản viết tay của chính tác giả. Tuy nhiên nội hàm khái niệm cũng bao gồm cả những văn bản tác giả đọc cho người khác viết hoặc đánh máy (trên máy chữ hoặc máy vi tính). Một tác phẩm có thể có nhiều bản thảo khác nhau do có sự sửa chữa, bổ sung nhiều lần của tác giả.

Chữ nghĩa trong sử Việt

Thời Lý Bí lấy quốc hiệu là Đại Cồ Việt. Cồ là “Cừ”. Cừ tiếng Hán chỉ loại chim ưng mắt sáng, đuôi cụt.

Thời Hồ Quý Ly lấy quốc hiệu là “Đại Ngu”. Ngu đây không phải là ngu dốt mà là... vui.

Tam phủ

Từ tín ngưỡng “tam phủ” với “trời, đất, nước”, “con người, thời gian, không gian”, trong truyền thống văn hóa Việt Nam, quan hệ của con người với tự nhiên, với quan hệ tay ba, những mối tình tay ba qua truyền thuyết, qua truyện cổ tích:

- Sơn Tinh, Thủy Tinh, Mỵ Nương,
- Trầu Cau với vợ-chồng-em chết đi biến thành “trầu-cau-vôi”.
- Chuyện ba ông đầu rau biến thành bộ ba “thần đất-thần bếp-thần chợ búa”.

(Trần Ngọc Thêm – Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam)

Tương lai từ vựng tiếng Việt

Tiếng Việt hết sức giàu từ cụ tượng hữu cảm và từ trừu tượng cảm xúc. Cảm, bất kể do ngũ quan hay do tâm hồn, không thể giải thích.

Ví dụ: “Lạnh” là từ cụ tượng vô cảm, tức từ đặt ra để gọi tên cảm giác lạnh. Lạnh chỉ là cái tên gọi. Trong khi, chẳng hạn, “gây gáy” là một âm thanh có gói ghém trong nó một cảm giác của nhiệt độ bên ngoài đối với cơ thể. Nó là từ cụ tượng hữu cảm: nó có chứa cảm và nếu người nghe nó là người Việt thì nó có gọi cảm. Nhưng nếu người nghe nó là người nước ngoài thì gây gáy không gọi gì hết và dù ta có hết sức dài dòng cắt nghĩa thì người nước ngoài cũng không thể nào thực hiểu được... *gây gáy!*

Ví dụ: “*nao nao*” trong “nao nao dòng nước uốn quanh” là từ cụ tượng hữu cảm chứa cảm xúc của Kiều khi nhìn dòng nước chảy gần má Đạm Tiên. Cảm xúc ấy thế nào, làm sao cắt nghĩa được cho người ngoại quốc!

Ví dụ: Kiều ở lầu xanh tiếp Thúc Sinh, lòng Kiều “đoạn trường lúc ấy nghĩ mà buồn tênh”. Buồn tênh là từ trừu tượng cảm xúc chứa tâm trạng Kiều khi nghĩ đến hoàn cảnh “hoa đã lìa cành” của mình. Buồn là buồn, nhưng “*buồn tênh*” thì dịch ra tiếng người nước ngoài thế nào đây hở trời?!

Nghe từ cụ tượng hữu cảm và từ trừu tượng cảm xúc, Tây với Tàu dù có quý tiếng Việt đến đâu cũng đành... ngẩn tò te. Khắp mặt đất bao la không một giống người khác nào tri kỷ, cô đơn lắm có phải không, hỏi những *nhấp nhổ, róc rách, ngọt ngào, gây gáy, chua lè, nao nao, nho nhỏ, đầu hiu, man mác, se sắt, bẽ bàng, chống chénh, xao xuyến, xoắn xang, ngổ ngang, ngẩn ngơ, buồn tênh, bịn rịn* ..v..v.. của ta ơi!

(Thu Tứ - Gocnhin.net)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Trái mãng cụt tiếng Hán là “Giáng châu”.
Nghĩa là viên ngọc từ trên trời rớt xuống...

(Phụ chú: Bên Tàu cũng có trái mãng cụt?)

Dấu phẩy trong tiếng Việt !

Chữ Việt “đa dạng” khi chúng ta viết không dấu, nay lại được chỉ dẫn cách dùng dấu phẩy một cách tài tình, như dưới đây.

Toà xử vụ án ngoại tình, phán với người chồng:

"Ở với vợ lớn, không được ở với vợ nhỏ".

Ông chồng đưa bản án về nhà cho vợ lớn, chỉ sửa lại dấu phẩy:

"Ở với vợ lớn không được, ở với vợ nhỏ"

Hoặc giả như:

"Mỗi gia đình có 2 con, vợ chồng hạnh phúc"

Chỉ sửa lại dấu phẩy là thành:

"Mỗi gia đình có 2 con vợ, chồng hạnh phúc".

Giai thoại làng văn

Cuối năm 1973, nhà văn Bùi Ngọc Tấn được thả khỏi tù. Lúc đến văn phòng làm thủ tục giấy tờ phóng thích, ông chợt nhìn thấy một tác phẩm của mình trên bàn giấy của những nhân viên công an ở trại:

"Tên hán in trên bìa sách chứng tỏ điều đó. Như có một ma lực, hán bước đến chỗ ấy. Hán buột miệng kêu to như gặp lại con mình:

- Thừa các ông các bà, đây là sách tôi viết.

Mọi người ngơ ngác...

- Cái gì? Anh nói cái gì?

Hán cầm lấy cuốn truyện. Bìa có đóng dấu trại. Hán nhìn mãi vào những tên hán in trên bìa sách. Thật không tin được. .. Hán lấp bắp như người nghẹn thở:

- Quyển sách này của tôi.

Cô trung sĩ nhìn giấy tờ của hán. Rồi lại nhìn tên hán in trên bìa sách. Cô đưa tờ lệnh tha cho ông Thanh Vân đọc. Ông ngẩng lên nhìn hán chăm chú từ đầu đến chân. Rồi với giọng hiểu biết:

- Anh lại Nhân Văn Giai Phẩm chứ gì?

- Báo cáo ông, Nhân văn Giai Phẩm có từ năm 1956, tôi bị bắt năm 1968.

- Thế anh bị bắt về tội gì?

(Bùi Ngọc Tấn - Chuyện kể năm 2000)

Tâm chương trích cú

Chinh phụ ngâm bản chữ Hán có câu:

Kiểm kiem dã vô tình

Tỵ dục tương tùy quá nhất sinh

Kiểm kiem là một loài...chim một mắt.

Con trống có mắt bên trái, con mái có mắt bên phải.

(Hoàng Hải Thủy - Chín tầng gương báu trao tay)

Những hình dạng mới của chữ nghĩa

Một giáo sư ngữ học dạy khoa Văn tại Đại học tổng hợp ở Hà Nội cho biết nhiều nhà văn, nhà thơ thành danh đã phạm những lỗi ngữ pháp kéch sù đó là cái lỗi có tên là trùng ngôn (tautology) một lỗi rất nặng cả về tiếng Việt, về tư duy lôgích, như:

- "*ánh nắng mặt trời*" không hiểu rằng *ánh nắng* chỉ có thể là ánh sáng trực tiếp của mặt trời, chứ không thể có thứ ánh nắng nào khác (nếu thay mặt trời bằng mặt trăng, sao, đèn, lửa, chớp, ai cũng sẽ thấy ngay là hết sức vô lý).

Câu đố

Xét trong quan hệ với vật đố, tức cách biểu thị vật đố ra sao, hình ảnh ở lời đố thường được sử dụng theo lối lạ hoá (gọi là tính lạ hoá của hình ảnh). Ở mức độ chung, trên tổng thể văn bản lời đố, tính lạ hoá được thể hiện theo hai hướng: miêu tả một vật đố bằng nhiều dạng vẻ không giống nhau; và sự miêu tả khác thường một vật đố, tạo nên một thứ kì dị. Như:

*“Tám sào chống cạn,
Hai nạng chống xiên,
Con mắt láo liên;
Cái đầu không có!”*
(Con cua)

(Triều Nguyễn - Cách sử dụng hình ảnh trong câu đố)

